

Bản án số: 34/2021/HS-PT
Ngày 23 tháng 7 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, do có kháng cáo của các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D, Đỗ Thị H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2021/QĐXXXPT-HS ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đối với các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Văn Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Chiêu T và bà Dương Thị T (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 07-5-2020 bị Công an phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 20-02-2016 bị Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 11-11-2020 chuyển tạm giam ngày 20-11-2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Vũ Xuân H, sinh năm 1988 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện U, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân T (đã chết) và bà Đoàn Thị N; vợ là Nguyễn Thị Thu H

và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11-11-2020 chuyển tạm giam ngày 20-11-2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Trần Minh D, sinh năm 1979 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Vi Thị Lan Hg và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05-6-2019 bị Chủ tịch UBND huyện Kim Bảng xử phạt vi phạm hành chính 15.750.000 đồng về hành vi để cho người khác lợi dụng sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực quản lý và hoạt động Karaoke quá giờ; bị tạm giữ từ ngày 12-11-2020 chuyển tạm giam ngày 20-11-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

4. Đỗ Thị H1, sinh năm 1990 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu P (đã chết) và bà Đỗ Thị Đ; chồng là Nguyễn Văn D và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11-11-2020 đến ngày 19-11-2020 được tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo: Vũ Văn T1, Nguyễn Văn H2, Phạm Thị Kiều T2, Trần Quốc V, Hà Thị H3 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10-11-2020, Phạm Thị Kiều T2 sinh ngày 02-3-2002, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam đang phục vụ khách hát tại quán karaoke Tokyo (quán Tokyo-Vt) thuộc Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam thì nhận được tin nhắn của người yêu là Nguyễn Văn H2, sinh năm 2001 ở thôn P, xã Đ, huyện K, nội dung “*Alo, đang ở Quê cùng mấy chị đang cần đồ, mày gửi hoặc mang xuống cho tao*”, T2 nhắn lại “*Đang làm, không đi được, để đồ ở đâu, tao lấy gửi xe qua cho?*”, H2 nhắn lại “*Để ở đáy túi quần áo*”. T2 về phòng ở của nhân viên lục tìm dưới đáy túi quần áo của mình (H2 cất giấu từ trước) thấy có 01 túi nilon, bên trong có 04 túi ke nhỏ và 16 viên ma túy màu xanh, T2 nhắn tin cho H2 hỏi “*Lấy bao nhiêu?*”, H2 nhắn “*Gom hết vào rồi gửi*”, T2 nhắn tiếp “*Để tao gọi xe được không, được thì gửi*”.

T2 điện thoại cho anh Lê Khắc Q, trú tại thôn T, xã Đ, huyện K. Lúc này, em trai anh Q là Lê Khắc Đ (do T2 từng thuê Đ nên Đ biết T2) ở cùng nhà với Q

nghe điện thoại của anh Q; T2 nói *“Anh có đang chạy khách không, ra cửa sau Tokyo đón em”*, Đ trả lời *“Không, để anh ra”*. Sau đó Đ điều xe ô tô hiệu Kia Cerato BKS 90A-044.44 của anh Q đến cửa phía sau quán Tokyo, điện thoại cho T2, nói *“Anh tới rồi, ra đi”*. T2 lấy túi nilon chứa 16 viên ma túy dạng viên nén và 04 túi ma túy dạng tinh thể bỏ vào trong một chiếc ví giả da màu đen rồi đi ra cửa sau của quán Tokyo gặp Đ, T2 nói *“Anh mang cho em cái ví này xuống quán Xmen dưới Quế”*, Đ hỏi *“Ví của ai đây?”*, T2 trả lời *“Ví của người yêu anh em quen để quên”*, Đ nói *“Đưa số điện thoại của ông ấy đây”*, T2 đọc số điện thoại của H2 cho Đ rồi nói *“Anh mang ra Quế còn chỗ nào anh liên hệ mang tới cho người ta”*.

Đ đồng ý và điều khiển xe ô tô mang theo chiếc ví của T2 đến địa phận tổ 6, Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng thì bị Công an thị trấn Quế kiểm tra, phát hiện thu giữ một chiếc ví màu đen trong xe ô tô Đ điều khiển, bên trong ví có 04 túi nilon màu trắng, trong mỗi túi đều chứa tinh thể màu trắng và một túi nilon màu trắng, bên trong có 16 viên nén màu xanh. Lê Khắc Đ khai nguồn gốc số ma túy trên là của Phạm Thị Kiều T2 thuê Đ mang đến quán karaoke Xmen thuộc tổ 6, Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng đưa cho Nguyễn Văn H2 trú ở thôn P, xã Đ, huyện K để bán kiếm lời thì bị kiểm tra, phát hiện, thu giữ. Đ không biết bên trong có ma túy.

Trên cơ sở số ma túy bị thu giữ là của T2 và H2 đang là nhân viên phục vụ của quán Tokyo, khoảng 00 giờ 45 phút ngày 11-11-2020 Công an huyện Kim Bảng phối hợp với Công an xã Nhật Tựu tiến hành kiểm tra quán karaoke Tokyo do Trần Minh D quản lý, phát hiện:

Tại phòng hát số 6 có 10 đối tượng đang nhảy với tiếng nhạc công suất lớn gồm: Vũ Xuân H sinh năm 1988, trú ở thôn M, xã K, huyện U, Hà Nội; Bùi Anh L sinh năm 1988 trú tại thôn T, xã Đ, huyện U, Hà Nội; Nguyễn Văn H4 sinh năm 1982 ở thôn G, xã Đ, huyện U, Hà Nội; Đào Quang S sinh năm 1987, cư trú tại tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, Hà Nội; Đỗ Thị H1 sinh năm 1990 trú tại thôn N, xã N, huyện K; Hà Thị H3 (*Nhím*) sinh năm 1997 trú tại thôn N, xã N, huyện K; Phạm Thị Kiều T2 (*Linh*) sinh ngày 02-3-2002, nơi cư trú thôn B, xã T, huyện T; Chèo Mí H5 (*Trang nhỏ*) sinh ngày 05-3-2003 và Bùi Thị L (*Trang lớn*) cùng trú tại thôn N, xã N, huyện K; Nguyễn Thị Hồng Th cư trú ở tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra, tại khu vực quây lễ tân của quán có 11 đối tượng nam nữ gồm: Trần Minh D sinh năm 1979, trú tại Thôn N, xã N, huyện K; Vũ Văn T1 sinh năm 1998, trú tại thôn Thọ Lão 2, xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng; Trần Quốc V sinh năm 1997 trú tại thôn Thuận Đức, xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng; Bàn Thị Minh N sinh năm 2000 và Triệu Thị L2 (*Bàn Thị L2*) sinh ngày 24-01-2005 đều trú tại thôn H, xã T, huyện T tỉnh Phú Thọ; Phạm Thị X, sinh năm 2001 trú

tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Bùi Thị Y, sinh năm 2000 ở thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vũ Kiều O, sinh năm 1994 trú ở thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội; Vũ Thị T, sinh năm 1994 ở tổ dân phố N, phường B, thị xã D; Lê Tuấn A, sinh năm 2002 ở thôn Q, xã T, huyện K; Vũ Anh T, sinh năm 1996 ở tổ dân phố H, phường H, thị xã D. Công an huyện Kim Bảng đã lập biên bản kiểm tra và xác định sự việc, biên bản tạm giữ và niêm phong đồ vật, tài liệu thu giữ theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận:

* Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10-11-2020, Vũ Xuân H cùng Nguyễn Văn H4, Đào Quang S, Nguyễn Văn B ở thôn T, xã P, huyện P, Hà Nội và một người đàn ông tên L ở huyện P, Hà Nội (*không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể*) đến quán karaoke Tokyo để thuê phòng hát.

Trên đường đi, Vũ Xuân H điện thoại di động cho Hà Thị H3 (*Nhím*) là nhân viên phục vụ tại quán Tokyo (*H quen biết Huyền từ trước*). H hỏi H3 “*Còn phòng không em*”, H3 trả lời “*Quán còn phòng*”, H nói tiếp “*Lấy cho anh ba viên kẹo và nửa chỉ ke*”, H3 trả lời “*Vâng*”. Lúc này H3 cùng Phạm Thị Kiều T2 (*Linh*) và Đỗ Thị H1 đang trong phòng ở của nhân viên, tầng 2 quán Tokyo. Thấy H3 nói chuyện điện thoại di động mở loa ngoài thì H1 hỏi H3 “*Có khách chơi à*”, H3 trả lời “*Vâng*”, H1 nói tiếp “*Chị còn nửa chỉ ke, khách cần thì em lấy*”, biết T2 cũng có ma túy để bán nên H3 nói “*Khách lấy như thế, hai chị em tự chia nhau*”, T2 nói “*Kẹo thì để em đưa*”. T2 đưa một túi nilon bên trong có 03 viên ma túy dạng viên nén cho H1, H1 lấy trên người 01 túi nilon đựng ma túy dạng tinh thể rồi cho cả 03 viên ma túy kẹo của T2 vào một túi nilon lớn hơn đưa cho H3.

Khi H, H4, S, B, L đến quán Tokyo đi vào quầy lễ tân của quán để thuê phòng hát và yêu cầu gọi 5 nhân viên nữ vào hát cùng thì gặp Trần Minh D (*chủ quán Tokyo*) và Vũ Văn T1 (*nhân viên của quán*) thì D hỏi “*Các anh đi mấy người*”, L trả lời “*05 người*”, D bảo T1 dẫn khách lên phòng hát số 6 trên tầng 2 và mở nhạc cho khách, khi vào phòng T1 thấy Đỗ Thị H1 đang trong phòng, sau khi mở nhạc xong, T1 sang phòng ở của nhân viên gọi Hà Thị H3 (*Nhím*), Phạm Thị Kiều T2 (*Linh*); Chèo Mí H5 (*Trang nhỏ*), Bùi Thị L (*Trang lớn*) và Nguyễn Thị Hồng Th đều là nhân viên nữ của quán bảo vào phòng hát số 6 hát cùng khách.

H3 cầm túi nilon ma túy mang vào phòng hát số 6 đưa cho Vũ Xuân H. H cầm rồi lấy 01 viên ma túy dạng viên nén bẻ lấy một nửa viên sử dụng bằng hình thức uống, số ma túy còn lại H đặt trên mặt bàn trong phòng hát để mọi người cùng sử dụng. Trong quá trình hát, do nghe thấy giọng của một nam thanh niên nói “*Đồ tao để trên bàn, lấy mà sử dụng*”, Hà Thị H3 đến bàn uống nước lấy 01 viên ma túy dạng viên nén (*các đối tượng thường gọi là ma túy “Kẹo”*)

bẻ thành hai phần, H3 sử dụng một phần, phần còn lại khi thấy Nguyễn Thị Hồng Th hỏi H3 “*Còn ma túy kẹo không?*”, H3 đưa cho Th, Th cầm và sử dụng luôn trong phòng hát bằng hình thức uống.

Lúc đó, Đào Quang S cũng lấy 01 viên kẹo màu xanh rồi cắn một nửa viên uống với bia, nửa viên còn lại đưa cho Nguyễn Văn B nhưng B không sử dụng. Còn Phạm Thị Kiều T2 khi nghe thấy giọng của một nam thanh niên nói “*Kẹo để trên bàn, lấy nửa viên mà chơi*” thì T2 đã lấy một nửa viên ma túy kẹo cho vào miệng sử dụng cùng sữa. Ngoài ra, còn có H4, H5 sử dụng ma túy kẹo; Th, H, H3, H5, H1, T2 tiếp tục sử dụng ma túy Ke. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn B về trước. Khoảng 23 giờ 00 phút, Bùi Anh L ở thôn T, xã Đ, huyện U, Hà Nội đến phòng hát số 6 cùng tham gia hát và sử dụng ma túy kẹo, ma túy ke. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, người đàn ông tên L đi về.

* Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 10-11-2020, Trần Quốc V điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade BKS 90B2-445.72 chở Bàn Thị Minh N và Triệu Thị L2 (Bàn Thị L2) cùng Đoàn Trọng L1, Nguyễn Huỳnh Tấn D, Đặng Quốc H6 (*bạn cùng làm việc với V*) đến quán Tokyo để thuê phòng hát. Khi đến quán, V gặp Trần Minh D chủ quán, D hỏi “*Đi hát hay đi chơi?*” V hiểu ý D hỏi là đi hát bình thường hay là đi hát có sử dụng ma túy, V trả lời “*Em hát thôi*”, D nói “*Thế thì vào phòng một đi*”. V, N, L2 và L, D, Hưng vào phòng hát số 1 cùng nhau uống bia và hát đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, L, D, Hưng đi về trước; còn lại V, L2, N tiếp tục hát được khoảng 15 phút thì có một người bạn của V tên là T3 ở thôn B, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội gọi điện thoại cho V và hỏi V “*Đang ở đâu?*”, V trả lời “*Em đang ở quán Tokyo*”.

Khoảng 00 giờ ngày 11-11-2020, người thanh niên tên T3 và một thanh niên đi cùng đến quán Tokyo vào phòng hát số 1 tham gia hát karaoke. Quá trình hát thì T3 hỏi V “*Ở đây có cho chơi không?*” V trả lời “*Em không biết*”, V thấy T3 nói gì với bạn của T3, sau đó bạn của T3 đi ra khỏi phòng hát khoảng 02 phút thì quay lại tiếp tục nói chuyện gì với T3 rồi T3 bảo V “*Ra lấy cho anh cái đĩa*”, V hiểu ý T3 bảo V ra lấy đĩa mang vào để cùng sử dụng ma túy, V đồng ý và đi ra quầy lễ tân thì gặp D và nói “*Cho em mượn cái đĩa*”, D nói “*Đĩa ở chân cầu thang kia*”. V ra khu vực cầu thang lấy một chiếc đĩa sứ mang vào phòng hát số 1 và đưa cho T3, sau đó Vũ Văn T1 cũng vào và đưa cho bạn T3 01 chiếc card điện thoại bằng nhựa. Lúc đó người đàn ông đi cùng T3 đưa cho V 02 viên ma túy dạng viên nén màu xanh, V bẻ 2 viên ma túy thành 04 nửa viên, V đưa cho N, L2 mỗi người một nửa viên và nói “*Chơi đi*”; N, L2 cầm ma túy kẹo V đưa và sử dụng luôn, V cũng sử dụng nửa viên ma túy bằng hình thức uống, nửa viên còn lại V đưa cho người thanh niên đi cùng T3, người này cầm và sử dụng luôn.

Tiếp tục người thanh niên đi cùng T3 lấy trên người một túi ma túy dạng tinh thể rồi cùng T3 dùng đĩa sứ và thẻ nhựa đi vào góc phòng hát tạo thành các đường ma túy Ke trên đĩa, sau đó T3 soi đèn điện thoại, còn bạn của T3 01 tay cầm đĩa sứ, một tay cầm ống hút được cuộn sẵn từ tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng (*các đối tượng thường gọi là tẩu*) hít 01 đường ke vào mũi. Sau đó, bạn của T3 bung đĩa sứ, trên đĩa sứ được kẻ sẵn 03 đường ke mang đến cho V, V hiểu ý người này bảo V sử dụng ma túy nên V đã đồng ý và cầm tẩu hít hết 01 đoạn ma túy ở trên đĩa vào mũi, người này tiếp tục mang đĩa có ma túy và tờ tiền cho L2, N mỗi người sử dụng một đường ke.

* Vật chứng thu giữ:

Thu giữ khi kiểm tra hành chính đối với Lê Khắc Đ gồm: 04 túi nilon màu trắng, bên trong đều chứa tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 16 viên nén màu xanh trong chiếc ví giả da màu đen để trong xe ô tô BKS 90A-044.44, niêm phong ký hiệu QT01. Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải của Lê Khắc Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màn hình nứt vỡ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, niêm phong ký hiệu QT02. Tạm giữ của Lê Khắc Đ 01 xe ô tô hiệu Kia Cerato màu đen BKS 90A-044.44.

Thu giữ khi tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh Karaoke Tokyo:

- Thu trong lọ hoa đặt trên mặt quầy lễ tân 02 túi nilon, bên trong mỗi túi đều có chứa các tinh thể màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu M1;

- Thu trong ngăn kéo của chiếc tủ đứng bằng nhựa kê tại quầy lễ tân 01 gói giấy bạc màu vàng, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2;

- Thu trong hộp chứa chày treo trên tường tiếp giáp với phòng số 02 có 01 lọ nhựa màu xanh có nắp đậy, bên trong chứa 09 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 túi nilon bên trong có chứa 11 viên nén màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3;

- Thu tại mặt bàn trong phòng hát số 6 có 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 23 cm, trên mặt đĩa có 01 thẻ nhựa loại khay sim điện thoại đều có chất bám dính tinh thể màu trắng niêm phong trong hộp catton ký hiệu M4;

- Thu trên phần đuôi chiếc xe mô tô BKS 29L1-61480 ở nhà xe 01 lọ nhựa, bên ngoài dán băng dính màu đen có nắp, bên trong có chứa 11 viên nén màu đỏ có in chữ “WY” và 02 túi nilon màu trắng, bên trong đều chứa các tinh thể màu trắng và 01 gói nilon bọc bằng băng dính màu đen, bên trong có chứa 01 viên nén màu nâu hình mặt người và 02 mảnh viên nén màu nâu được niêm phong trong hộp catton ký hiệu M5;

- Thu tại phòng hát số 6 có 11 túi nilon màu trắng đều có chứa chất bám dính tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu M6;

- Thu tại nền phòng hát số 6 có 03 lon nước ngọt hình trụ loại 330ml, bên trong đều chứa dung dịch lỏng được niêm phong trong hộp catton ký hiệu M7;

- Thu trên giá để giày dép tại góc cửa sân thượng phía Đông Bắc của tầng 2 quán hát 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa 03 cục chất bột màu xanh dạng viên nén và 04 cục chất bột màu vàng nhạt, cùng các chất bột màu vàng nhạt được niêm phong trong phong bì ký hiệu M8;

- Thu tại đất giường ngủ của Bùi Thị L 01 túi nilon màu trắng, bên trong có bám dính chất bột màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M9;

- Thu tại đáy tủ đựng quần áo trong phòng ngủ thứ hai 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa 03 cục chất bột màu nâu cùng với chất bột màu nâu, niêm phong ký hiệu M10.

- Tạm giữ của Phạm Thị Kiều T2 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màn hình cảm ứng, màu vàng, số Imei: 357274097785646, bên trong lắp 01 sim Mobiphone.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H2 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs, màn hình cảm ứng, màu vàng, số Imei: 356173091725445, trong lắp 01 sim Viettel.

- Tạm giữ của Hà Thị H3 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, màn hình cảm ứng, số Imei: 357274091524553, bên trong lắp 01 sim Vinaphone.

- Tạm giữ của Trần Minh D 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A6, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imei 1: 357931092960272; Imei 2: 357932092960270, bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, bàn phím cứng, màu đen, số Imei: 356962097095005, bên trong lắp 01 sim Viettel.

- Tạm giữ của Vũ Văn T1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màn hình cảm ứng, màu trắng bạc, số Imei: 354452066409785, trong lắp 01 sim Viettel.

- Tạm giữ của Đỗ Thị H1 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màn hình cảm ứng, màu trắng, số Imei: 359408087568400, bên trong lắp 01 sim Viettel.

- Tạm giữ của Vũ Xuân H 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10+, màn hình cảm ứng, màu đen, số Imei 1: 351591114955944; Imei 2: 351592114955942, bên trong lắp 01 sim Vinaphone.

- Tạm giữ của Dương Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màn hình cảm ứng, màu vàng, số Imei: 353903103396907, bên trong lắp 01 sim Vinaphone.

- Tạm giữ của Vũ Kiều Oanh 01 xe mô tô hiệu Honda SH125, màu đỏ-đen, BKS 29L1-614.80, số máy: JET3E-000231, số khung: RLHJF7303GY010413.

- Tạm giữ của Trần Quốc V 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 90B2-445.72, số máy: JF63E-1173262, số khung: 6306FZ501285; xe cũ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei: 357269097178479, bên trong lắp 01 sim Viettel.

* Tại bản Kết luận giám định số 219/PC09-MT ngày 16-11-2020 kết luận: Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,291 gam, loại: MDMA; Mẫu tinh thể màu trắng (M1, M2) trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,665 gam, loại: Ketamine; Mẫu tinh thể màu trắng (M3, M4) trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,640 gam, loại: Methamphetamine và Ketamine.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ: 9,291 gam MDMA, 0,665 gam Ketamine và 0,640 gam Methamphetamine và Ketamine; Ketamine, Methamphetamine và Ketamine (là các chất ma túy khác ở thể rắn điểm n khoản 2 Điều 251 BLHS).

Căn cứ Điều 4 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02-02-2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng các chất ma túy trong cùng một điểm của điều luật thì tổng khối lượng các chất ma túy là: 0,665 gam Ketamine + 0,640 gam Methamphetamine và Ketamine = 1,305 gam Methamphetamine và Ketamine.

*Tại bản Kết luận giám định số 220/PC09-MT ngày 16-11-2020 kết luận:

Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,416 gam, loại: Methamphetamine và Ketamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,094 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu viên nén trong hộp ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,809 gam, loại: MDMA; Mẫu tinh thể màu trắng trong hộp ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 5,174 gam, loại: Ketamine; 01 thẻ nhựa, 01 đĩa sứ màu trắng trong hộp ký hiệu M4 gửi giám định có tám dính ma túy, loại: Methamphetamine và Ketamine; Mẫu viên nén hình trụ tròn màu đỏ trong hộp ký hiệu M5 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,245 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong hộp ký hiệu M5 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,929 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu viên nén màu xám nâu và các mảnh viên nén màu xám nâu trong hộp ký hiệu M5 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,195 gam, loại: MDMA; 07 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa, viền màu xanh; 03 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ, 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu trắng; 01 thẻ nhựa trong phong bì ký hiệu M6 gửi giám định có tám dính ma túy, loại: Ketamine; 02 lon kim loại, hình trụ tròn, có dòng chữ cocacola và 01 lon kim loại, hình trụ tròn, có dòng chữ nước cam ép trong hộp ký hiệu M7 gửi giám định không tám dính ma túy, loại: Ketamine; Mẫu mảnh viên nén màu xanh trong phong bì ký hiệu M8 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,345 gam, loại:

MDMA; Mẫu mảnh viên nén màu vàng kem và chất bột màu vàng kem trong phong bì ký hiệu M8 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,979 gam, loại: MDMA; 01 túi nylon màu trắng có kẹp nhựa, viền màu xanh trong phong bì ký hiệu M9 gửi giám định có tám viên ma túy, loại: Methamphetamine; Mẫu mảnh viên nén màu xám nâu và chất bột màu xám nâu trong phong bì ký hiệu M10 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,691 gam, loại: MDMA.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ: 7,019 gam MDMA; 3,268 gam Methamphetamine; 5,174 gam Ketamine; 0,416 gam Methamphetamine và Ketamine. Trong đó chứng minh được số ma túy do Vũ Văn T1 cất giấu trong bình cứu hỏa là 3,809 gam MDMA và 5,174 gam Ketamine, còn số ma túy 3,268 gam Methamphetamine; 3,210 gam MDMA và 0,416 gam Methamphetamine và Ketamine không chứng minh được người cất giấu số ma túy trên.

Do chất ma túy T1 cất giấu có khối lượng dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 251 - BLHS, cụ thể: 3,809 gam MDMA < 5 gam và 5,174 gam Ketamine < 20 gam. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thì tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy là: $(3,809:5) \times 100 + Ketamine (5,174:20) \times 100 = 76,1\% + 25,8\% = 101,9\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy là 101,9%, trên 100% so với quy định tại khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 251-BLHS là: $(3,809:30) \times 100 + Ketamine (5,174:100) \times 100 = 12,6\% + 5,1\% = 17,7\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy là 17,7%, dưới 100% so với quy định tại khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự nên thuộc trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251-BLHS.

Về nguồn gốc số ma túy mà H2 có để cất giấu trong túi quần áo của T2 và T2 thuê Đ mang đến cho H2 mua vào ngày 07-11-2020, Vũ Văn T1 khai nhận số ma túy có để cất giấu trong bình cứu hỏa mua vào khoảng 21 giờ ngày 08-11-2020 (là 10 túi ma túy dạng tinh thể và 10 viên ma túy dạng viên nén) đều mua của Dương Văn Đ, sinh năm 1991 ở thôn Nông Vụ, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng. Sau khi mua được T1 cất giấu trong lọ nhựa màu xanh (*lúc đó T1 cho vào cùng 02 viên ma túy còn từ trước*) để vào bình cứu hỏa treo trên tường quán Tokyo mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

* Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn H2, Vũ Văn T1, Công an huyện Kim Bảng đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Văn Đ tại thôn N, xã Đ, huyện K, kết quả: Thu trong túi áo vest màu xanh bên phải trong tủ quần áo ở phòng ngủ số tiền 113.500.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu K1; thu

tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ 01 ví giả da màu đen, trong ví có số tiền 7.400.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu K2; thu tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ 01 túi xách màu sữa, trong túi xách có số tiền 570.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu K3; thu tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ 01 ví giả da màu kem sữa, trong ví có số tiền 4.000.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu K4; thu tại ngăn kéo bàn để máy tính trong phòng ngủ của Đ 02 tờ tiền polime đều được cuộn 02 đầu bằng đầu lọc điều thuốc lá được niêm phong trong phong bì ký hiệu K5; thu tại tủ quần áo trong phòng ngủ của Đ 01 tờ tiền polime được cuộn 02 đầu bằng đầu lọc điều thuốc lá và 01 túi nilon màu trắng viền đỏ niêm phong trong phong bì ký hiệu K6; thu tại chân tủ quần áo trong phòng ngủ của Đ bên phải hướng từ cửa đi vào 01 túi nilon màu trắng viền đỏ, trong bảm dính chất bột màu trắng niêm phong trong phong bì ký hiệu K7.

* Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn H2 tại thôn P, xã Đ, huyện K thu giữ: Bên trong một hộp màu vàng đỏ dưới gầm giường trên tầng 2 trong phòng ngủ của Nguyễn Văn H2 01 tờ tiền polyme được cuộn hai đầu bằng đầu lọc điều thuốc lá đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu H1 và 03 túi nilon màu trắng chứa các túi nilon nhỏ, chưa qua sử dụng.

* Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Minh D tại quán Tokyo, thu giữ:

Thu tại quầy lễ tân:

- Thu bên trong một hộp sắt tại quầy lễ tân của quán Tokyo 05 chiếc thẻ nhựa cứng hình chữ nhật đều bảm dính chất bột màu trắng, có kích thước 8,5x5,5 được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX01.

- Thu giữ tại quầy lễ tân 01 thiết bị lưu trữ hình ảnh Camera nhãn hiệu Ajhwa màu đen, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

Thu giữ bên trong phòng hát VIP 1, 6 các thiết bị âm thanh phục vụ cho việc “bay, lắc” ngày 11-11-2020 tại quán Karaoke Tokyo, gồm:

- 04 thiết bị điện tử âm thanh hiệu STDEBAO AUDIO, model: B12L kích thước khoảng 30x40x50 cm, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị điện tử âm thanh hiệu STDEBAO AUDIO, model: SW218 kích thước khoảng 60x70x80 cm, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 màn hình cảm ứng gắn liền chân giá bệ đỡ hiệu VIETKTV, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 hộp kim loại kích thước khoảng 50x60x70 cm, bên trong có chứa 06 thiết bị điện tử điều chỉnh âm thanh hình hộp chữ nhật hiệu lần lượt là: VIET KTV, model: 893R618K0509201; AP AUDIO; AAP AUDIO; MU

SERVOPOWER; 02 thiết bị điện tử cùng hiệu VA AUDIO, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 02 thiết bị điện tử âm thanh hiệu: B3TW110 kích thước khoảng 20x30x40 cm, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 02 thiết bị điện tử âm thanh hiệu: B3TW115 kích thước khoảng 40x50x60 cm, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 thiết bị điện tử âm thanh hiệu: B3 kích thước khoảng 60x70x80 cm, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 màn hình cảm ứng gắn liền giá đỡ hiệu: OKARA, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

- 01 hộp kim loại kích thước khoảng 50x60x70 cm, bên trong có chứa 05 thiết bị điện tử điều chỉnh âm thanh hình hộp chữ nhật hiệu lần lượt là: JBLU12; AT-095; BETATHREE; B3Q1200i; B3NOR14 41000, thiết bị cũ, đã qua sử dụng.

* Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Văn T1, Trần Quốc V, Phạm Thị Kiều T2, Vũ Xuân H, Hà Thị H3, Đỗ Thị H1: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 222/PC09-MT ngày 20-11-2020, kết luận:

01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng trong phong bì ký hiệu K5 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine và Methamphetamine; 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng và 01 túi nilon màu trắng có viền đỏ trong phong bì ký hiệu K6 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine; 01 túi nilon màu trắng có viền đỏ trong phong bì ký hiệu K7 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine; 01 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng trong phong bì ký hiệu H1 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine; 05 thẻ nhựa trong phong bì ký hiệu KX01 gửi giám định không bám dính ma túy loại: Ketamine.

* Tổng khối lượng ma túy khi tiến hành kiểm tra thu giữ trong xe ô tô của Lê Khắc Đ ngày 10-11-2020 và thu giữ tại quán Tokyo ngày 11-11-2020 là: 16,310 gam MDMA và 5,839 gam Ketamine; 3,268 gam Methamphetamine; 1,056 gam Methamphetamine và Ketamine.

(MDMA, Methamphetamine, Ketamine là các chất ma túy nằm trong Danh Mục I, II, III; lần lượt số thứ tự 27, 323, 35 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 07/05/2021, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

- Căn cứ vào các điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 10 (mười) năm tù, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 11-11-2020.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 08 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 11-11-2020.

- Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh D 08 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12-11-2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị H1 02 (hai) năm tù, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 11-11-2020 đến ngày 19-11-2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T1, Nguyễn Văn H2, Phạm Thị Kiều T2, Trần Quốc V, Hà Thị H3; xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1 đều có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Án phí phúc thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật..

Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1 đều không tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1 đều trong thời hạn luật định, đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1 đều thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, các Kết luận giám định và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét kháng cáo của các bị cáo:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đ, H, D cấp phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thừa nhận bản án sơ thẩm là đúng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Đ trình bày lý do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là bị cáo đã nhận thức được tội lỗi, ăn năn, hối cải, mong được giảm nhẹ để sớm trở về là người có ích cho xã hội; bị cáo H trình bày lý do sử dụng ma túy khi đã uống rượu bia bị kích thích, gia đình có các con nhỏ, lần đầu phạm tội, khai báo thành khẩn; bị cáo D trình bày lý do bản thân không nghiện ma túy, do quản lý không chặt chẽ nên để xảy ra vụ án, bị cáo có con còn nhỏ, bị bệnh tiểu đường đang khám và điều trị.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Đỗ Thị H1: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H1 thừa nhận bản án sơ thẩm là đúng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính nuôi 02 con nhỏ, mẹ yếu, bố mất sớm, không có tiền án tiền sự.

Cấp phúc thẩm thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới, các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo trình bày ở trên đều đã được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng hoặc không có căn cứ xác định (bệnh tật của bị cáo D), bị cáo H uống rượu bia là tự bị cáo đưa vào tình trạng bị kích thích, bị cáo H1 bị xử ở mức khởi điểm khung hình phạt. Xét vai trò và tính chất mức độ tội phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người, tụ tập đông người trong dịch Covid 19; cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh. Hình phạt của cấp sơ thẩm là phù hợp, không nặng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, H, D cũng như giảm hình phạt, cho hưởng án treo đối với bị cáo H1.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Áp dụng các điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 10 (mười) năm tù, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 11-11-2020.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 08 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 11-11-2020.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh D 08 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12-11-2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị H1 02 (hai) năm tù, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-11-2020 đến ngày 19-11-2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Dương Văn Đ, Vũ Xuân H, Trần Minh D và Đỗ Thị H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND, Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng